

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 13/2025/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Hới, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 25/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ (B); địa chỉ: Tháp B, số 194 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ; đơn vị được uỷ quyền khởi kiện và tham gia toàn bộ quá trình tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Q (B Q); đại diện theo pháp luật của B Quảng Bình: Ông Phan Thanh B; người được uỷ quyền lại: Ông Hà Đức T; địa chỉ: Số 189 đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ; địa chỉ: Khu Công nghiệp T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Xuân T – chức vụ: Giám đốc công ty; địa chỉ thường trú và địa chỉ liên hệ: TDP 6, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị C, sinh năm: 1949; địa chỉ thường trú: TDP P, thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Hồ Sỹ L, sinh năm: 1984; địa chỉ: Đối diện 41 đường T, TDP 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Anh Lê Ngọc S, sinh năm: 1982 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980; địa chỉ thường trú: TDP P, thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và tiền lãi:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng cụ thể số 09/2023/2892008/HĐTD ngày 28/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2023/2892008/HĐTD ngày 28/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2023/2892008/HĐTD ngày 30/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2023/2892008/HĐTD ngày 31/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2023/2892008/HĐTD ngày 11/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2023/2892008/HĐTD ngày 21/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2023/2892008/HĐTD ngày 25/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2023/2892008/HĐTD ngày 26/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2023/2892008/HĐTD ngày 27/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2023/2892008/HĐTD ngày 28/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 21/2023/2892008/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 22/2023/2892008/HĐTD ngày 15/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 23/2023/2892008/HĐTD ngày 23/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 24/2023/2892008/HĐTD ngày 24/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 25/2023/2892008/HĐTD ngày 25/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 26/2023/2892008/HĐTD ngày 26/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 27/2023/2892008/HĐTD ngày 31/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 28/2023/2892008/HĐTD ngày 19/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 29/2023/2892008/HĐTD ngày 23/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 30/2023/2892008/HĐTD ngày 26/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 31/2023/2892008/HĐTD ngày 29/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 32/2023/2892008/HĐTD ngày 30/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 33/2023/2892008/HĐTD ngày 07/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 34/2023/2892008/HĐTD ngày 24/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 35/2023/2892008/HĐTD ngày 31/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 36/2023/2892008/HĐTD ngày 30/08/2023, tính đến hết ngày 19/6/2025, Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (B) tổng số tiền là: **15.648.572.635** đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 12.993.547.808 đồng; lãi trong hạn: 2.354.120.867 đồng; lãi quá hạn: 228.903.487 đồng; lãi chậm trả: 72.000.473 đồng.

2.2. Thời hạn trả nợ số tiền gốc và tiền lãi:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ cam kết trả hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 19/6/2025 cho Ngân hàng TMCP Đ (B) tổng số tiền là **15.648.572.635** đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 12.993.547.808 đồng; lãi trong hạn: 2.354.120.867 đồng; lãi quá hạn: 228.903.487 đồng; lãi chậm trả: 72.000.473 đồng, trong thời hạn 02 tháng, từ ngày 19/6/2025 đến hết ngày 19/8/2025.

Kể từ ngày 20/6/2025 Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên tổng số tiền còn phải thi hành án theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 09/2023/2892008/HĐTD ngày 28/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2023/2892008/HĐTD ngày 28/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2023/2892008/HĐTD ngày 30/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2023/2892008/HĐTD ngày 31/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2023/2892008/HĐTD ngày 11/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2023/2892008/HĐTD ngày 21/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2023/2892008/HĐTD ngày 25/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2023/2892008/HĐTD ngày 26/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2023/2892008/HĐTD ngày 27/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2023/2892008/HĐTD ngày 28/04/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 21/2023/2892008/HĐTD ngày 09/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 22/2023/2892008/HĐTD ngày 15/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 23/2023/2892008/HĐTD ngày 23/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 24/2023/2892008/HĐTD ngày 24/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 25/2023/2892008/HĐTD ngày 25/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 26/2023/2892008/HĐTD ngày 26/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 27/2023/2892008/HĐTD ngày 31/05/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 28/2023/2892008/HĐTD ngày 19/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 29/2023/2892008/HĐTD ngày 23/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 30/2023/2892008/HĐTD ngày 26/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 31/2023/2892008/HĐTD ngày 29/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 32/2023/2892008/HĐTD ngày 30/06/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 33/2023/2892008/HĐTD ngày 07/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 34/2023/2892008/HĐTD ngày 24/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 35/2023/2892008/HĐTD ngày 31/07/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 36/2023/2892008/HĐTD ngày 30/08/2023, cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, lãi phát sinh cho Ngân hàng B mà các bên đã ký kết.

2.3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ vi phạm thời hạn trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận, thì Ngân hàng TMCP Đ (B) có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ và bà Cao Thị C đang thế chấp đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (B), cụ thể là:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 10/05/2012 bao gồm các tài sản: Xe ô tô tải tự đổ Chiến Thắng – BKS: 73L-9468, giấy đăng ký xe ô tô số 000378 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/03/2010; Xe ô tô tải tự đổ Chiến Thắng – BKS: 73L-9551, giấy đăng ký xe ô tô số 000379 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/03/2010; Máy đào bánh lốp Hyundai Robex 1300W, Hóa đơn GTGT số 0128665 ngày 23/07/2010 do Công ty TNHH TMDV – XD Cường Nam phát hành; Máy ủi bánh xích Komatsu D31P-16, hóa đơn GTGT số 0000004 ngày 18/04/2011 do Công ty TNHH TMDV XNK Mai Xuân Thu phát hành; Máy ủi bánh xích Komatsu D21P-5, hóa đơn GTGT số 0066884 ngày 07/10/2009 do Công ty TNHH Hoàng Linh phát hành; Xe nâng Komatsu FD09LT-17, hóa đơn GTGT số 0023969 ngày 25/02/2011 do Công ty TNHH Tân Thành Nam phát hành; Xe nâng TCM FD9T12, Hóa đơn GTGT số 0023969 ngày 25/02/2011 do Công ty TNHH Tân Thành Nam phát hành; Xe nâng Toyota 5FD15, Hóa đơn GTGT số 0099554 ngày 24/02/2010 do Công ty TNHH Tân Thành Nam phát hành; Xe nâng Komatsu FD15T-20, Hóa đơn GTGT số 0099582 ngày 26/04/2010 do Công ty TNHH Tân Thành Nam phát hành; Thiết bị lò nung hầm sấy công suất 10 triệu viên/năm, Hóa đơn GTGT số 0048272 ngày 11/01/2011, Hóa đơn GTGT số 0048273 ngày 12/01/2011, Hóa đơn GTGT số 0048274 ngày 13/01/2011; Dây chuyền tạo hình công suất 20 triệu viên/năm, Hóa đơn GTGT số 0085273 ngày 14/09/2009, Hóa đơn GTGT số 0085274 ngày 14/09/2009, Hóa đơn GTGT số 0048275 ngày 14/01/2011, Hóa đơn GTGT số 0048276 ngày 15/01/2011;

- Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 411089; do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 27/07/2009; tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 60; địa chỉ thửa đất: Khu công nghiệp T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thế chấp là Nhà máy gạch Tuynenl Đ, tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01A/2010/HĐ ngày 09/09/2010; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01A/2010/HĐ ngày 09/09/2010 số 01/2012 ngày 18/05/2012; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01A/2010/HĐ ngày 09/09/2010 số 01/2013 ngày 31/12/2013;

- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ được công nhận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 789054; Sổ vào sổ cấp GCN: CT 02439 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thửa đất: Khu công nghiệp T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/09/2015;; Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Bình chỉnh lý biến động ngày 11/07/2018, cụ thể: Tên công trình: Công trình mở rộng xây dựng nhà máy gạch Tuynenl, hạng mục công trình: Nhà điều hành. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/2892008/HĐBĐ ngày 28/08/2019;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ 31, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố Phú Quý, Thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 422329 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/10/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B chỉnh lý biến động ngày 16/12/2019 mang tên bà Cao Thị C. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/2892008/HĐBĐ ngày 17/12/2019 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/2892008/HĐBĐ ngày 17/12/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng B cho đến khi trả hết nợ.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Các bên đương sự thỏa thuận bị đơn chịu 16.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng B số tiền 16.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn Công ty Cổ phần Công nghiệp Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch 61.824.286 đồng (Sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP Đ (B) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 61.672.000 đồng (Sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0001685 ngày 15/5/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ